THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 8/10
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Ngọc Quang Anh	5.3	8.3	5.6	9.3	7.2	8.6	5.2	5.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
2	Nguyễn Quỳnh Chi	6.3	7.6	6.0	8.2	8.0	7.6	7.0	4.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
3	Nguyễn Diệp Thanh Hà	9.4	9.4	9.6	9.9	8.9	9.9	9.0	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Võ Ngọc Thảo Lam	5.6	8.7	6.5	9.4	8.3	8.5	6.6	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Võ Tường Minh	7.4	8.2	9.2	9.6	8.0	8.3	6.9	6.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Lê Hà My	9.4	9.3	7.5	10.0	8.9	9.1	8.2	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Lê Trường Phúc	7.6	8.0	8.4	9.6	7.6	8.5	7.2	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
8	Thân Trọng Quý	6.7	8.0	8.1	8.6	7.9	8.3	6.5	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Nguyễn Văn Pha Thăng	8.0	6.7	8.9	6.8	7.4	8.2	5.5	5.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Hà Triệu Anh Thư	8.4	9.1	7.3	9.9	8.9	9.2	6.7	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Tạ Hà Anh Thư	10.0	9.4	8.4	9.1	8.3	9.1	9.4	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Võ Đức Trí	9.1	8.5	9.7	9.4	8.8	9.9	8.2	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Đỗ Minh Vy	5.4	7.1	6.7	9.1	8.0	7.9	6.5	5.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Văn Đoàn Thảo Vy	8.8	9.4	9.7	10.0	9.4	9.6	8.9	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Hải	Đinh Huyền Trang	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PRO

Date of issue: January

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 8/11
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp l *Ran*
														Kết quả học tập *Academic Performance*
1	Đào Nam Anh	3.5	5.0	3.8	5.0	6.0	6.3	4.8	4.1	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	**Chưa đạt**
2	Lâm Quỳnh Anh	5.9	7.7	6.1	9.3	7.9	8.5	7.4	7.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
3	Đinh Lý Phúc Anh	5.0	5.9	6.0	7.4	7.8	6.4	5.9	5.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**
4	Vũ Bảo Chi	8.2	8.6	8.2	9.9	8.4	9.6	7.4	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
5	Huang Nguyễn Chí	5.4	5.7	6.4	7.5	8.4	7.5	6.1	4.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**
6	Đặng Thái Huy	7.8	7.7	7.2	8.6	8.2	8.1	6.8	5.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
7	Đỗ Khải	5.0	7.2	5.6	8.8	7.1	6.7	5.0	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**
8	Nguyễn Khánh	8.5	8.2	7.6	9.1	9.3	9.2	8.9	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
9	Trần Anh Khoa	7.2	7.4	6.1	7.9	8.6	5.5	5.5	6.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**
10	Bùi Phạm Hải Khôi	6.7	7.7	8.3	8.5	9.2	9.1	6.9	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
11	Huỳnh Tuấn Minh	6.7	7.8	6.7	8.0	8.4	8.7	7.3	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
12	Trần Quang Minh	8.1	8.7	8.8	9.6	8.7	9.8	8.4	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
13	Mai Đức Minh	8.8	8.5	9.8	9.1	9.1	9.2	8.7	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
14	Vũ Trần Đình Phú	7.1	8.3	8.1	8.7	9.2	9.4	7.8	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
15	Phan Anh Quân	7.5	8.4	7.1	8.4	8.9	7.8	7.6	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
16	Võ Anh Thư	8.9	9.2	9.1	9.0	8.6	9.6	8.7	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
17	Nguyễn Văn Nhật Trung	9.3	8.7	9.9	8.4	8.6	9.6	8.1	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Đỗ Thị Điệp	**Đinh Huyền Trang**	**Văn Thị Thiên Hà**

GRAM

10, 2025

oại và thi đua *king*
Kết quả rèn luyện ***Conduct***
Khá
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 8/8
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Phí Nhật Minh Anh	9.0	9.2	9.1	8.5	9.7	9.9	9.2	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Nguyễn Quốc Hoàng Hưng	8.5	8.5	7.3	8.1	8.6	9.7	9.3	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Phạm Gia Huy	7.6	8.3	8.1	8.7	9.6	9.0	8.3	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Ngô Bảo Khánh	7.0	8.3	7.6	8.9	9.4	9.5	7.7	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Nguyễn Ngọc Khánh	8.0	9.3	9.7	9.5	9.4	9.8	9.2	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Trần Nguyễn Minh Khôi	6.6	8.2	5.6	8.4	8.5	8.4	7.8	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Trần Phương Linh	8.4	9.2	9.7	9.3	9.1	9.7	9.3	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Lê Khánh Linh	7.6	9.0	8.5	9.4	8.7	9.6	8.2	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Tấn Minh	8.5	9.3	9.0	8.6	9.6	9.9	9.2	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Phan Nhật Minh	6.4	8.8	7.0	9.4	8.6	8.9	7.6	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Trần Cát Minh	9.5	8.1	7.5	8.8	8.7	8.3	8.9	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Đinh Hồng Minh	8.9	8.6	8.1	9.6	9.2	9.7	8.1	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Nguyễn Vũ Minh Ngọc	8.0	8.6	8.3	9.9	9.8	9.9	8.7	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Vũ Hồ Bảo Ngọc	6.3	7.7	8.8	7.2	8.2	8.9	8.3	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	Nguyễn Khôi Nguyên	8.1	9.2	8.9	9.3	9.1	9.3	8.7	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Trần Nhân Trí	9.5	8.5	7.6	8.0	9.4	9.4	8.8	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Nguyễn Phạm Quốc Tuấn	9.0	9.2	8.4	9.1	9.1	9.8	9.4	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Đỗ Thanh Tùng	9.4	8.1	8.6	8.0	8.5	9.9	7.8	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Đặng Hà Vy	7.0	8.9	9.3	9.0	8.7	9.6	8.5	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Hường	Đinh Huyền Trang	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PRO

Date of issue: January

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 8/9
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp l *Ran*
														Kết quả học tập *Academic Performance*
1	Nguyễn Khánh An	9.1	8.9	8.0	8.9	9.2	9.1	8.5	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
2	Đặng Ngọc Anh	6.7	7.7	6.0	8.7	8.3	8.2	6.8	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	**Đạt**
3	Phạm Hồ Quỳnh Anh	4.1	8.5	7.1	8.5	8.1	8.7	6.8	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**
4	Vũ Đình Minh Đăng	8.0	8.5	8.2	8.6	8.7	9.2	8.3	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
5	Trần Tuấn Hưng	8.6	8.8	6.5	8.0	8.6	8.8	7.0	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
6	Đỗ Duy Khang	7.0	8.3	7.6	7.5	9.1	9.1	6.9	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
7	Trần Phúc Khang	9.7	9.4	9.1	9.7	9.1	9.8	9.3	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
8	Lê Quốc Gia Khang	8.0	8.6	7.3	7.6	8.8	8.3	7.8	6.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
9	Nguyễn Bảo Khanh	9.6	9.4	9.6	9.0	9.8	9.8	9.3	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
10	Phan Thuỳ Lâm	8.2	8.3	7.1	8.6	8.2	9.3	6.8	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**
11	Nguyễn Phước Khải Minh	9.4	8.4	9.8	7.3	9.3	9.6	9.1	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
12	Nguyễn Lê Bảo Nam	8.5	8.7	9.1	9.3	8.5	9.6	8.3	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
13	Nguyễn Nam Phương	8.0	8.7	8.0	8.9	8.7	9.3	7.7	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
14	Hồ Xuân Trường	8.2	9.1	8.7	9.1	9.2	9.1	8.3	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**
15	Nguyễn Minh Tuyết	4.0	8.1	6.1	9.1	8.0	8.2	5.6	6.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Phan Trần Thiên Trang	Đinh Huyền Trang	Văn Thị Thiên Hà

GRAM

10, 2025

oại và thi đua *king*
Kết quả rèn luyện ***Conduct***
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt
Tốt